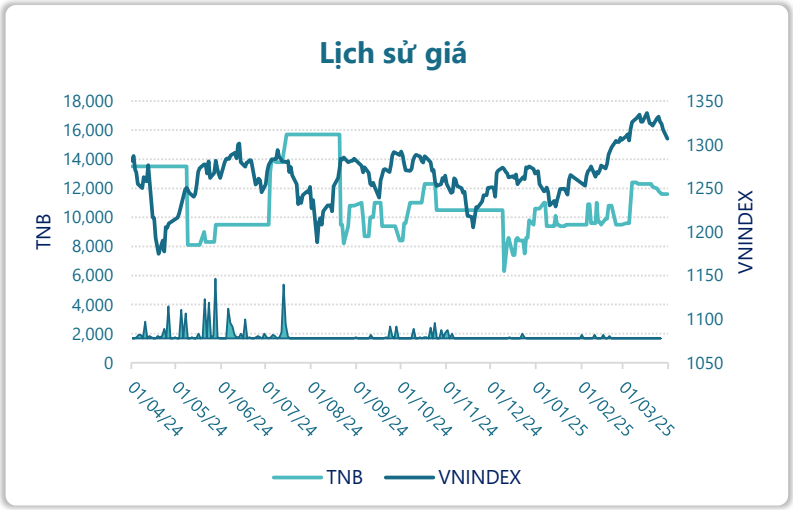
FireAnt

CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL (UPCOM: TNB)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	29,428,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)	325
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	341
P/E	274.9
EPS	42

DT thuần

Q1/25

335

tỷ VNĐ

QoQ: ▼113| -25.3%

YoY: ▲ 42.0| 14.3%

LN sau thuế

Q1/25

0.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.73| -98.9%

YoY: ▼0.70| -90.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.1%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

1,391

tỷ VNĐ

YoY: ▼57.0| -3.9%

LN sau thuế

2024

1.93

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.15| 8.9%

ROE

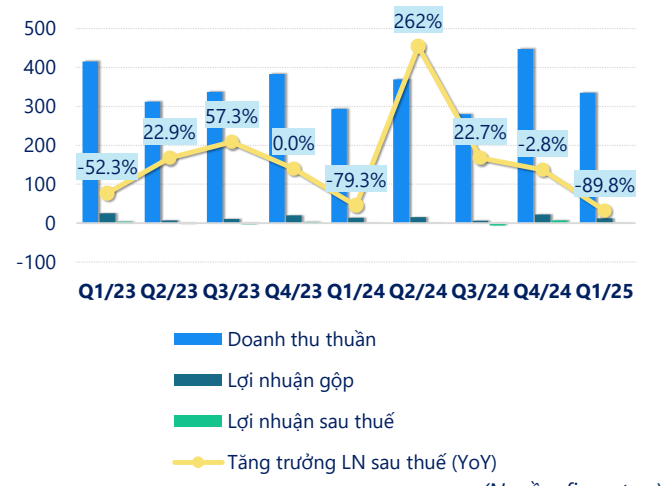
2024

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.1%

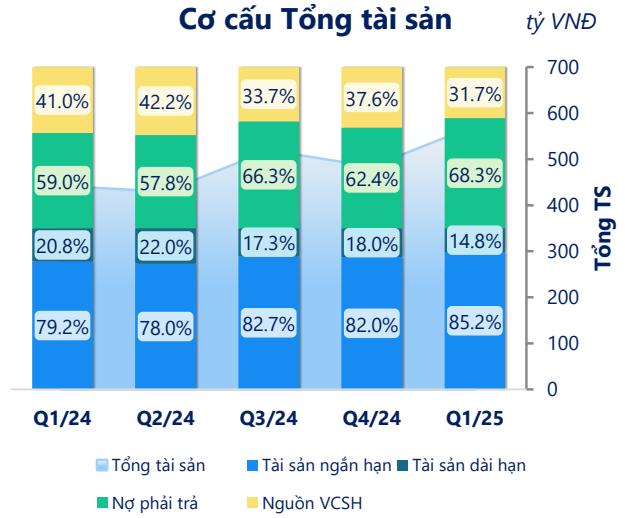
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



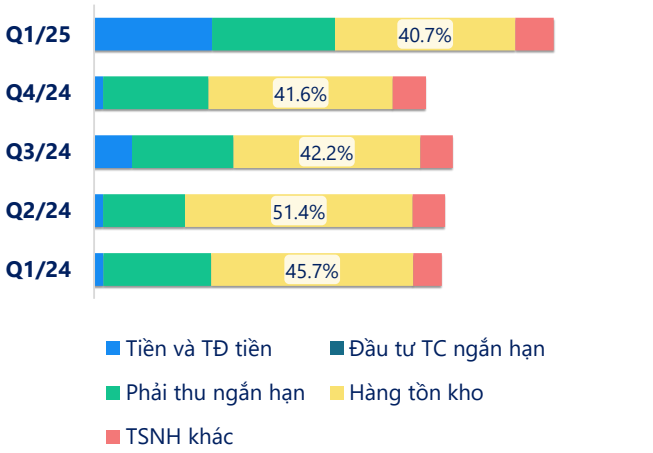
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



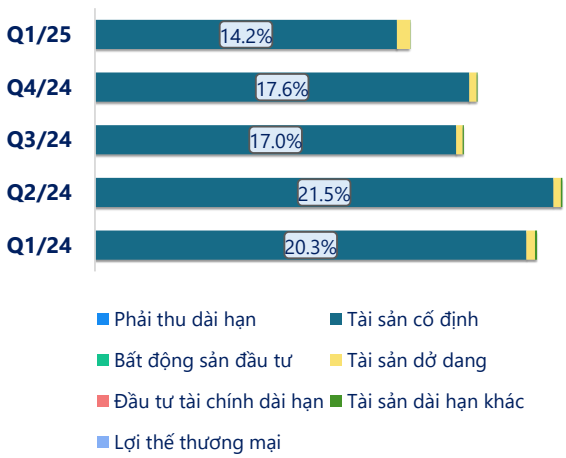
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



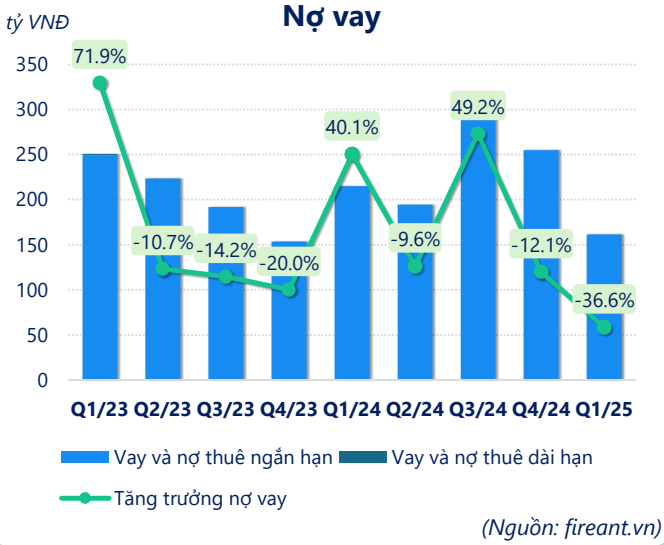
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



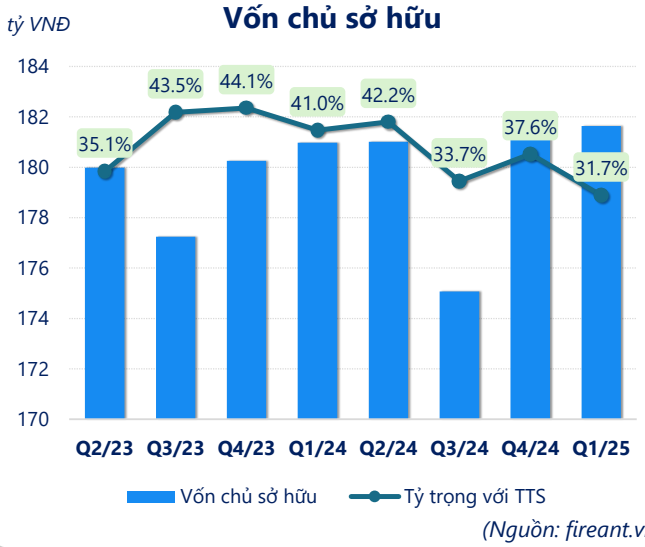
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



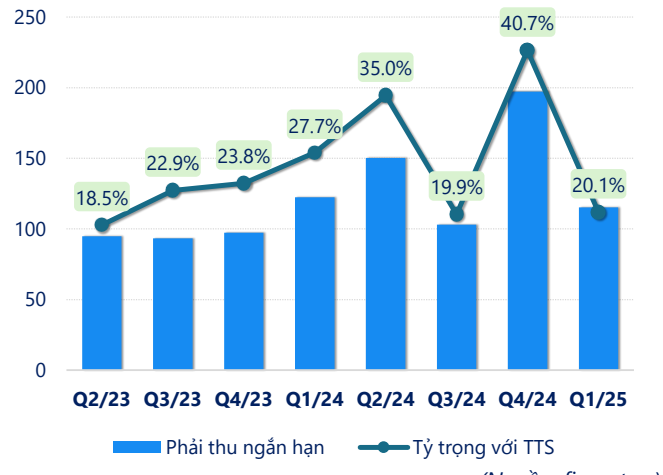
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



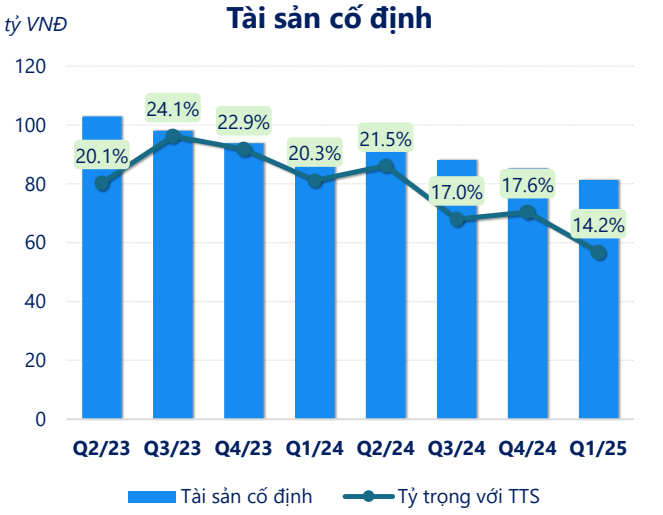
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



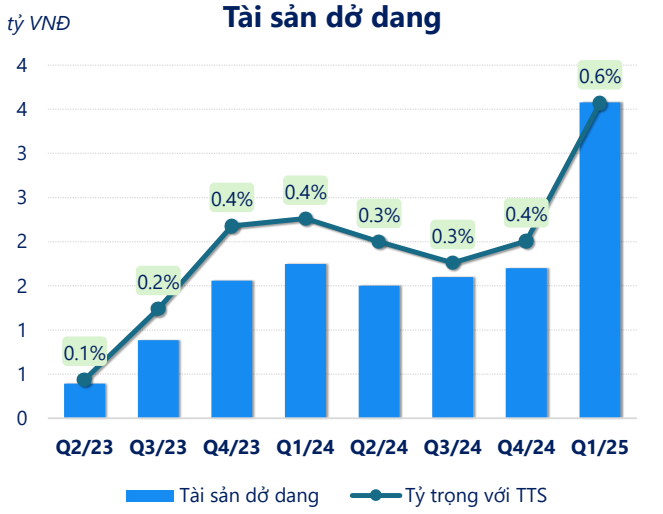
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



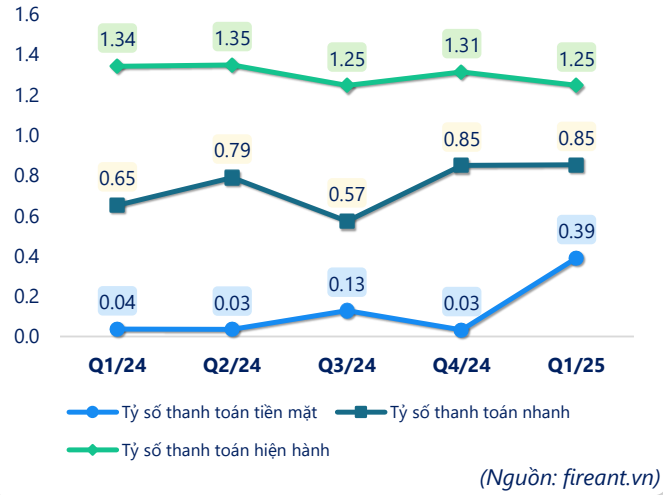
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



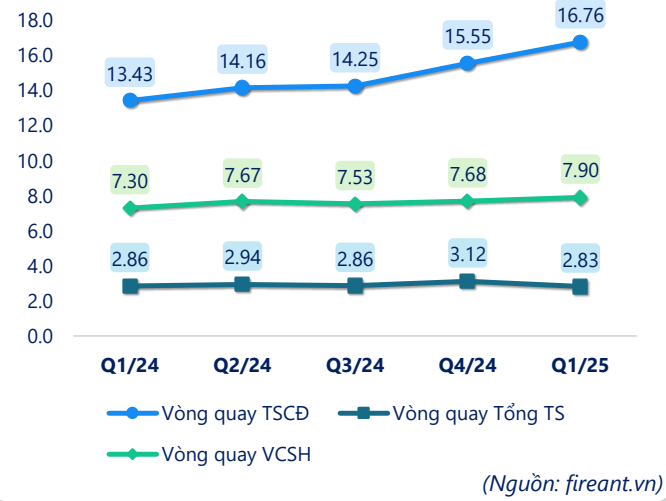
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**442**	**429**	**519**	**484**	**573**
Tài sản ngắn hạn	**350**	**335**	**429**	**397**	**488**
Tiền và tương đương tiền	9.45	8.65	44.3	9.82	153
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	122	150	103	197	115
Hàng tồn kho	180	139	232	140	154
Tài sản ngắn hạn khác	38.1	37.3	49.6	49.7	65.7
Tài sản dài hạn	**91.8**	**94.3**	**90.0**	**87.0**	**84.9**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	89.6	92.5	88.2	85.2	81.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.75	1.50	1.60	1.70	3.58
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.43	0.34	0.25	0.15	0.06
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**261**	**248**	**344**	**302**	**391**
Nợ ngắn hạn	**261**	**248**	**344**	**302**	**391**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	215	194	290	255	162
Phải trả người bán ngắn hạn	38.0	40.6	43.5	32.4	66.3
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**181**	**181**	**175**	**182**	**182**
Vốn chủ sở hữu	**181**	**181**	**175**	**182**	**182**
Vốn điều lệ	145	145	145	145	145
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)